

Số: 421/BC-UBND

Cầu Kè, ngày 08 tháng 12 năm 2017

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách và sử dụng nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2017

Năm 2017 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách (2017-2020), việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách đúng theo Luật Ngân sách nhà nước quy định.

Thực hiện Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2017; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Cầu Kè khoá XI, kỳ họp thứ 2, nhiệm kỳ (2016 - 2021) về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2017.

Nhìn chung, tình hình thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2017 ước đạt 109,11% so Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện giao; đồng thời nguồn thu bổ sung từ Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện, trong năm cơ bản giải quyết được các nhu cầu chi thường xuyên, chi đầu tư XD CB và chi công tác khác.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo trước Quý vị Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khoá XI - kỳ họp thứ 5, nhiệm kỳ (2016 - 2021) nắm tình hình thực hiện thu, chi ngân sách và sử dụng nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2017, cụ thể như sau:

#### A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017:

##### I. VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC: (TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 30/11/2017).

**\*Tổng thu Ngân sách nhà nước: 482.885.236.000đ**

**Trong đó:**

**1. Thu theo dự toán: 27.723.598.000đ, đạt 106,63% so dự toán 26.000.000.000đ**

*Cụ thể từng nguồn thu:*

1.1. Thuế ngoài quốc doanh:	7.448.785.000đ	đạt	118,23%
- Thuế giá trị gia tăng:	6.154.300.000đ	đạt	116,12%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:	963.871.000đ	đạt	96,39%
- Thuế tài nguyên:	53.113.000đ		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt:	118.870.000đ		
- Thu khác ngoài quốc doanh:	158.631.000đ		
1.2. Lệ phí trước bạ:	7.868.357.000đ	đạt	104,91%
1.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	297.448.000đ	đạt	99,15%
1.4. Thuế thu nhập cá nhân:	5.837.590.000đ	đạt	106,14%



1.5. Thu phí và lệ phí :	1.667.869.000đ	đạt	83,39%
1.6. Thu tiền sử dụng đất:	1.470.231.000đ	đạt	147,02%
1.7. Tiền thuê đất:	42.103.000đ		
1.8. Các khoản thu tại xã:	650.959.000đ	đạt	162,74%
1.9. Thu khác ngân sách:	2.440.256.000đ	đạt	81,34%
<b>2. Thu không giao dự toán:</b>			<b>6.207.803.000đ</b>
- Thuế CTN và DV NQD (tính quản lý):	206.892.000đ		
- Phí, lệ phí không cân đối:	890.455.000đ		
- Thu khác không cân đối:	5.110.456.000đ		
<b>3. Thu chuyển nguồn:</b>			<b>57.390.808.000đ</b>
- Ngân sách huyện:	51.758.880.000đ		
- Ngân sách xã:	5.631.928.000đ		
<b>4. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh (tính BS cho huyện):</b>			<b>324.872.471.000đ</b>
- Thu bổ sung cân đối:	284.014.500.000đ		
- Thu bổ sung có mục tiêu:	40.857.971.000đ		
<b>5. Thu bổ sung từ ngân sách huyện (huyện BS cho xã):</b>			<b>66.690.556.000đ</b>
- Thu bổ sung cân đối:	33.931.120.000đ		
- Thu bổ sung có mục tiêu:	32.759.436.000đ		

## II. VỀ CHI NGÂN SÁCH: (TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 30/11/2017).

\* **Tổng chi ngân sách huyện, xã: 395.245.282.000đ** (chi theo dự toán ngân sách huyện, xã: 284.821.042.000đ, đạt 85,08% so dự toán 334.784.000.000đ)

Trong đó:

- Chi ngân sách huyện: 325.233.941.000đ
- Chi ngân sách xã, thị trấn: 70.011.341.000đ

Cụ thể từng khoản chi:

<b>1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản:</b>	<b>26.089.918.000đ</b>	<b>đạt</b>	<b>93,81%</b>
<b>2. Chi thường xuyên:</b>	<b>255.779.286.000đ</b>	<b>đạt</b>	<b>85,00%</b>
- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo:	149.862.888.000đ	đạt	83,35%
- Chi Quản lý hành chính:	56.363.082.000đ	đạt	97,19%
- Chi sự nghiệp văn hoá thông tin:	931.974.000đ	đạt	83,74%
- Chi sự nghiệp Thể dục - Thể thao:	235.917.000đ	đạt	57,12%
- Chi sự nghiệp phát thanh:	544.853.000đ	đạt	88,45%
- Chi đảm bảo xã hội và bảo trợ xã hội:	17.691.068.000đ	đạt	95,63%
- Chi An ninh:	5.085.839.000đ	đạt	95,90%
- Chi Quốc phòng:	4.833.455.000đ	đạt	91,05%
- Chi khoa học công nghệ:	2.496.000đ	đạt	1,66%



- Chi sự nghiệp kinh tế:	14.538.791.000đ	đạt	62,06%
- Chi hoạt động môi trường:	416.443.000đ	đạt	37,12%
- Chi Hội đặc thù:	1.076.590.000đ	đạt	91,67%
- Chi khác ngân sách:	425.843.000đ	đạt	78,42%
- Chi lập hồ sơ bản đồ địa chính (10% nguồn thu tiền sử dụng đất):	76.962.000đ, đạt 76,96%		

- Chi thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ khác: 3.693.085.000đ đạt 68,98%

**3. Chi từ nguồn dự phòng: 2.951.838.000đ đạt 48,81%**

**4. Chi bổ sung từ ngân sách huyện cho ngân sách xã, TT: 66.690.556.000đ**

- Chi bổ sung cân đối cho ngân sách xã, thị trấn: 33.931.120.000đ

- Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã, thị trấn: 32.759.436.000đ

**5. Chi ngoài dự toán ngân sách: 43.733.684.000đ**

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản (kể cả vốn Chương trình MTQG): 18.245.716.000đ

- Chi thường xuyên (kể cả nguồn tỉnh bổ sung trong năm): 25.478.968.000đ

### III. ƯỚC THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017:

**1. Ước thu Ngân sách nhà nước: 533.221.441.000đ**

1.1. Thu theo dự toán: 28.368.489.000đ, đạt 109,11% so dự toán.

1.2. Thu không giao dự toán: 6.207.803.000đ

1.3. Thu chuyển nguồn: 57.390.808.000đ

1.4. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh (tỉnh BS cho huyện): 350.691.971.000đ

1.5. Thu bổ sung từ ngân sách huyện (huyện BS cho xã): 71.774.236.000đ

1.6. Thu kết dư ngân sách năm 2016 chuyển sang 2017: 18.788.134.000đ

**2. Ước chi ngân sách địa phương: 498.715.874.000đ** (chi theo dự toán ngân sách huyện, xã: 325.817.146.000đ, đạt 97,32% so dự toán 334.784.000.000đ)

Trong đó:

2.1. Chi ngân sách huyện: 420.833.651.000đ

2.2. Chi ngân sách xã, thị trấn: 77.882.223.000đ

*Cụ thể từng khoản chi:*

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 27.679.069.000đ đạt 99,53%

- Chi thường xuyên: 295.186.239.000đ đạt 98,09%

- Chi từ nguồn dự phòng: 2.951.838.000đ đạt 48,81%

- Chi bổ sung từ ngân sách huyện cho ngân sách xã, TT: 71.774.236.000đ

- Chi ngoài dự toán ngân sách: 43.733.684.000đ

- Chi chuyển nguồn sang năm 2018: 57.390.808.000đ



#### IV. CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH:

- Thu điều tiết ngân sách huyện, xã hưởng:	26.579.515.000đ
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	422.466.207.000đ
- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang:	57.390.808.000đ
- Thu kết dư năm trước chuyển sang:	18.788.134.000đ
<b>Ước tổng thu ngân sách huyện, xã hưởng:</b>	<b>525.224.664.000đ</b>
<b>Ước tổng chi ngân sách huyện, xã:</b>	<b>498.751.874.000đ</b>
<b>Ước kết dư ngân sách huyện, xã:</b>	<b>26.508.790.000đ</b>

#### V. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ:

Năm 2017, nhìn chung nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn vượt dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao (vượt 9,11%). Từ đó các nhiệm vụ chi theo lĩnh vực được đảm bảo.

- Tổng chi theo dự toán ngân sách huyện, xã giảm 2,68%, nguyên nhân là do tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2017.

- Trong năm 2017 có một số khoản chi phát sinh ngoài dự toán là do thực hiện chính sách của Trung ương và tỉnh như: chi trả phụ cấp thu hút cho viên chức ngành Giáo dục theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010; chi trả phụ cấp ưu đãi cho viên chức ngành Giáo dục theo Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ... từ đó làm cho quy mô dự toán ngân sách tăng cao. Mặt khác còn phát sinh nhiều sự vụ, sự việc đột xuất ngoài dự toán chi thường xuyên, do vậy phải sử dụng nguồn dự phòng để chi cho một số lĩnh vực khác.

#### B. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017:

**Tổng số tiền sử dụng: 2.951.838.000đ**

\* Báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp lần thứ 3 về tình hình sử dụng dự phòng 6 tháng đầu năm 2017, số tiền: **1.673.170.000đ**.

\* Sử dụng nguồn dự phòng từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/11/2017: **1.278.668.000đ**.

Cụ thể:

##### 1. Phòng Y tế: 76.288.000đ

- Kinh phí mua hóa chất chủ động phòng, chống sốt xuất huyết tại các điểm trường trên địa bàn huyện Cầu Kè năm 2017 : 11.880.000đ;

- Bổ sung kinh phí phục vụ cho việc nói chuyện chuyên đề phòng, chống bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết trên địa bàn huyện Cầu Kè năm 2017: 7.940.000đ;



- Kinh phí phục vụ cho công tác khám sức khỏe tuyển chọn công dân nhập ngũ năm 2018: 56.468.000đ.

**2. Phòng Tài nguyên và Môi trường: 825.660.000đ** (Phục vụ cho công tác cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (cấp đổi, cấp lại và đăng ký biến động).

**3. Ban Chỉ huy Quân sự huyện: 376.720.000đ**

- Hỗ trợ kinh phí phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ trên địa bàn huyện Cầu Kè năm 2017: 326.720.000đ;

- Hỗ trợ cơ sở Quân báo nhân dân nắm tình hình địch trong thời gian diễn ra các hoạt động nhân Kỷ niệm 73 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944-22/12/2017) và 28 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989-22/12/2017): 50.000.000đ.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách và sử dụng nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2017. Ủy ban nhân dân huyện xin báo cáo Quý vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khoá XI - kỳ họp thứ 5./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, PCT. UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT (ST: Tuân, KT: Toàn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Hoàng Khải*  
**Nguyễn Hoàng Khải**



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017

Đơn vị: 1000đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2017	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>335.834.000</b>	<b>461.447.205</b>	<b>137,40</b>	<b>109,95</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>26.000.000</b>	<b>28.368.489</b>	<b>109,11</b>	<b>105,11</b>
1	Thu nội địa	26.000.000	28.368.489	109,11	105,11
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>51.758.880</b>		<b>95,33</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>285.609.984</b>	<b>349.059.415</b>	<b>122,22</b>	<b>108,98</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>285.609.984</b>	<b>271.235.373</b>	<b>94,97</b>	<b>136,93</b>
1	Chi đầu tư phát triển	27.810.000	20.839.069	74,93	224,59
2	Chi thường xuyên	252.721.907	247.444.466	97,91	171,95
3	Dự phòng ngân sách	5.078.077	2.951.838	58,13	411,68
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>	<b>0</b>	<b>13.356.279</b>	<b>0,00</b>	<b>55,49</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		1.351.000		397,35
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		0		0,00
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		12.005.279		44,19

## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

Đơn vị: 1000đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2017	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>335.834.000</b>	<b>461.447.205</b>	<b>137,40</b>	<b>109,95</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>26.000.000</b>	<b>28.368.489</b>	<b>109,11</b>	<b>105,11</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6.300.000	7.501.801	119,08	108,50
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.500.000	5.837.590	106,14	103,27
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	7.500.000	7.868.357	104,91	101,53
7	Thu phí, lệ phí	2.000.000	1.800.000	90,00	135,58
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.300.000	1.809.782	139,21	103,30
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	300.000	297.448	99,15	121,41
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	1.000.000	1.470.231	147,02	99,64
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>		42.103		134,20
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Các khoản thu tại xã	400.000	650.959	162,74	91,13
11	Thu khác ngân sách	3.000.000	2.900.000	96,67	100,69
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>13.011.000</b>	<b>14.117.595</b>	<b>108,51</b>	<b>133,66</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	8.906.000	9.471.630	106,35	98,29
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	4.105.000	4.645.965	113,18	301,45



## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017

Đơn vị: 1000đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2017	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>285.609.984</b>	<b>349.059.415</b>	<b>122,22</b>	<b>108,98</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>285.609.984</b>	<b>271.235.373</b>	<b>94,97</b>	<b>136,93</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>27.810.000</b>	<b>20.839.069</b>	<b>74,93</b>	<b>224,59</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	27.810.000	20.839.069	74,93	224,59
2	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>252.721.907</b>	<b>247.444.466</b>	<b>97,91</b>	<b>171,95</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	179.098.000	176.031.889	98,29	117,77
2	Chi khoa học và công nghệ	150.000	135.000	90,00	114,30
3	Chi y tế, dân số và gia đình				
4	Chi văn hóa thông tin	1.113.000	1.060.239	95,26	327,23
5	Chi phát thanh, truyền hình	616.000	594.385	96,49	97,56
6	Chi thể dục thể thao	413.000	371.700	90,00	230,86
7	Chi bảo vệ môi trường	1.122.000	1.009.800	90,00	122,22
8	Chi hoạt động kinh tế	22.726.000	22.218.247	97,77	579,67
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	26.519.807	25.113.406	94,70	111,59
10	Chi bảo đảm xã hội	18.412.100	18.412.100	100,00	228,84
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>5.078.077</b>	<b>2.951.838</b>	<b>58,13</b>	<b>411,68</b>
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>0</b>	<b>13.356.279</b>		<b>55,49</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		1.351.000		397,35
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		12.005.279		44,19